

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ
XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Hải	Chủ tịch
Ông Lê Hồng Thanh	Thành viên
Ông Trương Hữu Quyền	Thành viên
Ông Hoàng Văn Lộc	Thành viên
Ông Trần Thiện Thế	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đình Hải	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

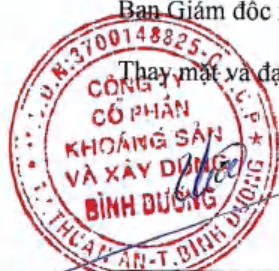
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2013

Số: 0349 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 23 tháng 3 năm 2013 từ trang 3 đến trang 22. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Ngo Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Bùi Văn Trịnh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1808/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		252.824.710.857	261.318.866.913
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	89.690.721.507	103.947.106.520
1. Tiền	111		16.638.155.007	12.888.734.775
2. Các khoản tương đương tiền	112		73.052.566.500	91.058.371.745
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.689.443.851	120.336.207.848
1. Phải thu khách hàng	131		128.181.120.181	105.570.108.900
2. Trả trước cho người bán	132		2.815.371.018	8.751.042.983
3. Các khoản phải thu khác	135		495.859.487	6.015.055.965
4. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	139		(5.802.906.835)	-
III. Hàng tồn kho	140	6	33.306.547.290	31.584.535.536
1. Hàng tồn kho	141		33.306.547.290	33.297.528.884
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.712.993.348)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.137.998.209	5.451.017.009
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.214.587.585	1.962.125.558
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		300.445.606	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	7	63.861.809	2.638.817.456
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		559.103.209	850.073.995
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+260)	200		437.940.176.128	394.729.425.848
I. Tài sản cố định	220		204.045.876.020	175.418.351.759
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	99.331.836.993	95.767.405.329
- Nguyên giá	222		205.699.832.816	183.487.969.658
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106.367.995.823)	(87.720.564.329)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	1.247.912.372	1.358.082.855
- Nguyên giá	228		2.116.596.200	2.116.596.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(868.683.828)	(758.513.345)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	103.466.126.655	78.292.863.575
II. Bất động sản đầu tư	240	11	162.004.200.991	165.870.482.395
- Nguyên giá	241		177.250.751.137	177.250.751.137
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(15.246.550.146)	(11.380.268.742)
III. Tài sản dài hạn khác	260		71.890.099.117	53.440.591.694
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	66.293.421.100	51.027.631.684
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	2.072.182.256	533.870.063
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.524.495.761	1.879.089.947
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		690.764.886.985	656.048.292.761

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

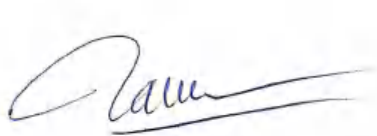
Đơn vị: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		243.808.619.085	231.810.240.345
I. Nợ ngắn hạn	310		81.178.534.613	82.418.465.496
1. Phải trả người bán	312		11.933.705.271	14.779.277.262
2. Người mua trả tiền trước	313		31.563.280.695	36.599.511.244
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	3.175.799.745	848.776.800
4. Phải trả người lao động	315		11.882.853.856	7.991.365.167
5. Chi phí phải trả	316		3.293.184.746	769.783.737
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		3.755.883.510	2.315.816.856
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		15.573.826.790	19.113.934.430
II. Nợ dài hạn	330		162.630.084.472	149.391.774.849
1. Dự phòng phải trả dài hạn	337		19.650.354.994	15.126.066.375
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		142.979.729.478	134.265.708.474
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	15	446.956.267.900	424.238.052.416
I. Vốn chủ sở hữu	410		446.956.267.900	424.238.052.416
1. Vốn cổ phần	411		180.000.000.000	107.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.000.000.000	37.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		131.678.773.009	160.236.640.656
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		24.481.753.296	20.075.967.659
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		73.795.741.595	99.925.444.101
TỔNG NGUỒN VỐN (440=400)	440		690.764.886.985	656.048.292.761

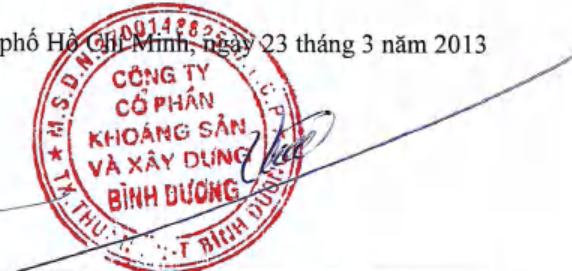
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (đồng)		-	-
2. Ngoại tệ			
Đô la Mỹ		2.801.824	2.788.588
Euro		7	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2013


Nguyễn Hoàng Tâm
 Người lập


Lục Thanh Sang
 Kế toán trưởng


Trần Đình Hải
 Tổng Giám đốc


Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

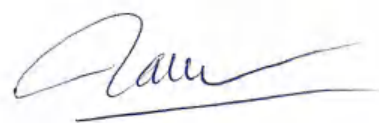
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		2012	2011
	Mã số			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		569.617.654.404	554.031.490.388
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	16	569.617.654.404	554.031.490.388
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	374.930.089.536	345.328.009.405
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	24	194.687.564.868	208.703.480.983
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	4.490.692.875	14.824.051.918
6. Chi phí tài chính	22		1.608.450.167	-
7. Chi phí bán hàng	24		48.299.150.823	40.177.169.184
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.210.294.674	23.717.878.122
8. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		120.060.362.079	159.632.485.595
10. Thu nhập khác	31		4.432.294.778	2.830.615.480
11. Chi phí khác	32		3.309.017.424	981.191.703
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	20	1.123.277.354	1.849.423.777
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		121.183.639.433	161.481.909.372
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	32.340.992.366	42.117.235.189
15. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	14	(1.538.312.193)	(639.302.226)
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		90.380.959.260	120.003.976.409
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	<u>5.552</u>	<u>10.664</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2013


Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởngTrần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: Đồng	
		2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	121.183.639.433	161.481.909.372
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	26.723.478.406	24.825.472.166
- Các khoản dự phòng	03	4.089.913.487	1.052.914.625
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	196.489.067	(5.250.593.682)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.470.060.975)	(9.560.463.007)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	147.723.459.418	172.549.239.474
- Biến động các khoản phải thu	09	(8.484.868.925)	(45.693.671.957)
- Biến động hàng tồn kho	10	(9.018.406)	(14.027.208.825)
- Biến động các khoản phải trả	11	17.225.873.328	14.140.452.989
- Biến động chi phí trả trước	12	2.505.829.576	(29.010.465.257)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(30.617.387.244)	(40.063.925.447)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(20.922.708.084)	(23.574.840.568)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	107.421.179.663	34.319.580.409
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(81.111.389.134)	(49.911.288.120)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.527.272.727	656.818.182
3. Thu lãi tiền gửi	27	4.293.285.198	8.913.379.513
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(75.290.831.209)	(40.341.090.425)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(46.190.244.400)	(54.570.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(46.190.244.400)	(54.570.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(14.059.895.946)	(60.591.510.016)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	103.947.106.520	159.288.022.854
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(196.489.067)	5.250.593.682
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	89.690.721.507	103.947.106.520

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng

Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000226 ngày 27 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, và giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế điều chỉnh số 3700148825 ngày 9 tháng 3 năm 2012, Công ty tăng vốn điều lệ lên 180.000.000.000 đồng. Trong đó, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước hiện đang sở hữu 50,05% vốn điều lệ của Công ty, các cổ đông khác nắm giữ 49,95%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 515 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 528 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình giao thông, công trình dân dụng, cụm công nghiệp, điện cơ mỏ; kinh doanh nhà ở; sản xuất, gia công và kinh doanh các loại thép hình, cầu kiện bê tông đúc sẵn; kinh doanh xăng dầu; đầu tư kinh doanh khu du lịch; nuôi trồng, sản xuất các mặt hàng nông sản thực phẩm; khảo sát, đo đạc địa hình, thăm dò địa chất và thi công giếng khoan, khai thác nước ngầm.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay gặp các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 – 15
Máy móc và thiết bị	3 – 12
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình, bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất thể hiện các chi phí phát sinh để có quyền sử dụng khu đất 41.632 m² tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 38 năm. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc tại khu công nghiệp Đất Cuốc tại huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp đến bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng bắt đầu từ khi đưa bất động sản vào khai thác và sử dụng đến hết thời gian đầu tư của dự án vào năm 2053.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí đền bù, giải tỏa, chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất để khai thác các mỏ đất, đá và chi phí cải tạo các mỏ đá được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ một đến ba năm. Riêng các chi phí trả trước dài hạn liên quan đến mỏ đá Tân Mỹ được phân bổ theo sản lượng khai thác tối đa trong năm năm theo thời gian hoạt động của mỏ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo điều lệ, Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo tỷ lệ sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%
Quỹ đầu tư phát triển	5%
Quỹ dự phòng tài chính	5%

Riêng Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2012 là 2.100.000.000 đồng.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	461.491.000	753.818.652
Tiền gửi ngân hàng	16.176.664.007	12.134.916.123
Các khoản tương đương tiền	73.052.566.500	91.058.371.745
	89.690.721.507	103.947.106.520

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng đô la Mỹ và đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn là 3 tháng hoặc ngắn hơn. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất cố định 9%/năm cho tiền gửi bằng đồng Việt Nam và 0,5%/năm cho khoản tiền gửi bằng đô la Mỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.344.110.082	4.927.634.721
Công cụ, dụng cụ	227.096.439	20.043.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	272.108.879	240.564.035
Thành phẩm	27.463.201.890	28.109.287.128
Hàng hóa	30.000	-
	33.306.547.290	33.297.528.884
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.712.993.348)
	33.306.547.290	31.584.535.536

Trong năm 2012, Công ty hoàn nhập lại khoản dự phòng với giá trị là 1.712.993.348 đồng do hàng hóa đã được bán trong năm.

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	63.861.809	1.944.184.625
Thuế thu nhập cá nhân	-	665.229.663
Các loại thuế khác	-	29.403.168
	63.861.809	2.638.817.456

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2012	48.767.233.411	92.371.453.054	40.164.277.868	2.185.005.325	183.487.969.658
Tăng trong năm	8.424.341.237	7.554.846.463	-	1.356.098.947	17.335.286.647
Chuyển từ xây dựng cơ bản	1.230.614.385	6.134.293.903	3.103.900.000	-	10.468.808.288
Thanh lý	(1.925.172.550)	(3.276.751.526)	(359.810.523)	(30.497.178)	(5.592.231.777)
Tại ngày 31/12/2012	56.497.016.483	102.783.841.894	42.908.367.345	3.510.607.094	205.699.832.816
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2012	21.602.993.478	44.016.811.275	20.205.684.399	1.895.075.177	87.720.564.329
Khấu hao trong năm	5.021.929.468	11.370.183.705	6.154.518.871	200.394.475	22.747.026.519
Thanh lý	(1.668.160.645)	(2.041.126.679)	(359.810.523)	(30.497.178)	(4.099.595.025)
Tại ngày 31/12/2012	24.956.762.301	53.345.868.301	26.000.392.747	2.064.972.474	106.367.995.823
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	31.540.254.182	49.437.973.593	16.907.974.598	1.445.634.620	99.331.836.993
Tại ngày 31/12/2011	27.164.239.933	48.354.641.779	19.958.593.469	289.930.148	95.767.405.329

Tài sản cố định bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 24.983.782.301 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 22.207.292.044 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2012	1.807.721.600	308.874.600	2.116.596.200
Tăng trong năm	-	-	-
Tại 31/12/2012	1.807.721.600	308.874.600	2.116.596.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2012	526.073.225	232.440.120	758.513.345
Trích khấu hao trong năm	75.477.147	34.693.336	110.170.483
Tại ngày 31/12/2012	601.550.372	267.133.456	868.683.828
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	1.206.171.228	41.741.144	1.247.912.372
Tại ngày 31/12/2011	1.281.648.375	76.434.480	1.358.082.855

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Khu công nghiệp Đất Cuốc	47.400.929.699	38.334.680.000
Mỏ đá Phước Vĩnh	-	1.486.750.000
Mỏ đá Tân Mỹ	5.717.600.000	5.000.000.000
Mỏ đất xã Minh Long	2.373.950.000	18.084.991.350
Khác	47.973.646.956	15.386.442.225
	103.466.126.655	78.292.863.575

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2012 và 31/12/2012	30.436.883.639	146.813.867.498	177.250.751.137
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2012	3.681.119.648	7.699.149.094	11.380.268.742
Trích khấu hao trong năm	1.308.446.464	2.557.834.940	3.866.281.404
Tại ngày 31/12/2012	4.989.566.112	10.256.984.034	15.246.550.146
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	25.447.317.527	136.556.883.464	162.004.200.991
Tại ngày 31/12/2011	26.755.763.991	139.114.718.404	165.870.482.395

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Đất Cuốc tại huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vì Công ty có ý định nắm giữ lâu dài bất động sản đầu tư và đồng thời không có cơ sở định giá cũng như không có tài sản nào cùng loại để xác định giá trị hợp lý của những bất động sản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm	51.027.631.684	23.778.071.858
Tăng trong năm	24.549.627.427	38.453.209.024
Phân bổ vào chi phí trong năm	(9.283.838.011)	(11.203.649.198)
Số dư cuối năm	<u>66.293.421.100</u>	<u>51.027.631.684</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.250.236.016	526.630.894
Thuế tài nguyên	390.267.268	322.145.906
Thuế thu nhập cá nhân	355.957.331	-
Phí bảo vệ môi trường	179.339.130	-
	<u>3.175.799.745</u>	<u>848.776.800</u>

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các năm trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác <u>VND</u>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 1/1/2011	1.857.181.593	(1.962.613.756)	(105.432.163)
Ghi tăng/(giảm) lợi nhuận	1.951.950.647	(1.312.648.421)	639.302.226
Tại ngày 31/12/2011	3.809.132.240	(3.275.262.177)	533.870.063
Ghi tăng lợi nhuận	1.151.708.895	386.605.684	1.538.312.193
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.960.841.135</u>	<u>(2.888.656.493)</u>	<u>2.072.182.256</u>

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ cho mục đích trình bày báo cáo tài chính:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.888.658.879)	(3.275.262.177)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.960.841.135	3.809.132.240
	<u>2.072.182.256</u>	<u>533.870.063</u>

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Được phép phát hành:		
Số lượng cổ phần	18.000.000	10.700.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>180.000.000.000</u>	<u>107.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Đã được phát hành và góp vốn đủ:

Số lượng cổ phần	18.000.000	10.700.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>180.000.000.000</u>	<u>107.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại 1/1/2011	107.000.000.000	37.000.000.000	69.397.461.510	65.133.475.121	14.645.936.114	85.119.987.817	378.296.860.562
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	120.003.976.409	120.003.976.409
Phân phối các quỹ	-	-	-	5.705.704.025	5.705.704.025	(30.628.520.125)	(19.217.112.075)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(54.570.000.000)	(54.570.000.000)
Kết chuyển nguồn	-	-	(69.397.461.510)	89.397.461.510	-	(20.000.000.000)	-
Chỉ tiêu theo quy định	-	-	-	-	(275.672.480)	-	(275.672.480)
Số dư tại 31/12/2011	107.000.000.000	37.000.000.000	-	160.236.640.656	20.075.967.659	99.925.444.101	424.238.052.416
Tăng vốn trong năm	73.000.000.000	-	-	(73.000.000.000)	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	90.380.959.260	90.380.959.260
Phân phối các quỹ	-	-	-	4.442.132.353	4.442.132.353	(24.310.661.766)	(15.426.397.060)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(52.200.000.000)	(52.200.000.000)
Kết chuyển nguồn	-	-	-	40.000.000.000	-	(40.000.000.000)	-
Giảm khác	-	-	-	-	(36.346.716)	-	(36.346.716)
Số dư tại 31/12/2012	180.000.000.000	37.000.000.000	-	131.678.773.009	24.481.753.296	73.795.741.595	446.956.267.900

Trong năm 2012, Công ty đã chia cổ tức đợt 2 năm 2011 là 30.600.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2011 với tỷ lệ là 39% mệnh giá và Chia cổ tức đợt 1 năm 2012 là 21.600.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2012 với tỷ lệ là 12% mệnh giá. Công ty cũng trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận chưa phân phối với số tiền là 40.000.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10 tháng 4 năm 2012.

Trong năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đã tạm trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính lần lượt là 12.788.327.230 đồng, 4.262.775.743 đồng, 4.262.775.743 đồng và quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát là 2.100.000.000 đồng. Số liệu trích các quỹ sau cùng sẽ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chính thức tại đại hội thường niên.

Việc tăng vốn trong kỳ được thực hiện theo Nghị quyết số 02/2011 của Đại hội đồng cổ đông ngày 8 tháng 11 năm 2011 thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền là 1:0,68226 và tổng số cổ phiếu thưởng phát hành đợt này là 7.300.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng. Nguồn vốn được sử dụng để phát hành là Quỹ đầu tư phát triển. Ngày 10 tháng 4 năm 2012, số cổ phiếu thưởng này chính thức được giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh theo Quyết định số 332/2012/TB-SGDHCM ngày 29 tháng 3 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2012	2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	548.886.865.190	537.376.634.410
Doanh thu cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	20.730.789.214	16.654.855.978
	569.617.654.404	554.031.490.388

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2012	2011
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	362.576.587.067	335.249.949.963
Giá vốn cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	12.353.502.469	10.078.059.442
	374.930.089.536	345.328.009.405

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.232.902.744	45.757.401.280
Chi phí nhân công	54.928.550.166	47.034.497.631
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.398.737.967	23.790.970.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	249.061.122.233	230.661.240.848
Chi phí khác	65.818.221.923	61.978.946.237
	452.439.535.033	409.223.056.711

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi	4.435.425.000	8.913.379.513
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.250.593.682
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	55.267.875	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	660.078.723
	4.490.692.875	14.824.051.918

20. LỢI NHUẬN KHÁC

	2012	2011
	VND	VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	1.531.363.636	390.909.091
Các khoản thu nhập khác	2.900.931.142	2.439.706.389
Thu nhập khác	4.432.294.778	2.830.615.480
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	1.100.385.128	9.734.688
Các khoản khác	2.208.632.296	971.457.015
Chi phí khác	3.309.017.424	981.191.703
Lợi nhuận khác	1.123.277.354	1.849.423.777

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	121.183.639.433	161.481.909.372
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.497.831.168)	(5.250.593.682)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	9.678.161.198	12.237.625.067
Thu nhập chịu thuế	129.363.969.463	168.468.940.757
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32.340.992.366	42.117.235.189

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cơ bản có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận sau thuế	90.380.959.260	120.003.976.409
Trừ: - Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(5.250.593.682)
Trừ/Cộng: - Thu nhập/Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(1.538.312.193)	(639.302.225)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	88.842.647.067	114.114.080.502
Số cổ phần đang lưu hành bình quân (cổ phần)	16.000.000	10.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.552	10.664

23. CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	4.275.171.561	4.096.756.429

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	2012 VND	2011 VND
Trong vòng một năm	4.225.982.516	3.989.400.461
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	15.957.601.846	15.957.601.846
Sau năm năm	149.140.151.490	153.126.821.355
	169.323.735.852	173.073.823.662

Các khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện các khoản tiền thuê phải thu từ việc cho thuê đất tại khu công nghiệp Đất Cuốc với hạn thuê trung bình 47 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***24. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty lựa chọn lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt trên hai lĩnh vực kinh doanh khoáng sản và lĩnh vực cho thuê khu công nghiệp. Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh bộ phận trong năm như sau:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	2012 VND	2011 VND
Hoạt động kinh doanh khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng		
Doanh thu	558.264.466.108	543.904.276.107
Giá vốn	(362.576.587.067)	(335.844.036.871)
Lợi nhuận gộp	195.687.879.041	208.060.239.236
Hoạt động cho thuê khu công nghiệp		
Doanh thu	11.353.188.296	10.127.214.281
Giá vốn	(10.314.592.553)	(9.483.972.534)
Lợi nhuận gộp	1.038.595.743	643.241.747

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động của Công ty chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó điều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế.

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.690.721.507	103.947.106.520
Phải thu khách hàng và phải thu khác	128.676.979.668	111.585.164.865
Tài sản tài chính khác	4.083.598.970	2.729.163.942
Tổng cộng	222.451.300.145	218.261.435.327

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công nợ tài chính		
Phải trả khách hàng và phải trả khác	15.689.588.781	17.095.094.118
Chi phí phải trả	3.293.184.746	769.783.737
Tổng cộng	18.982.773.527	17.864.877.855

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Giá trị còn lại ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ	-	-	58.221.896.694	58.080.713.572
Euro	-	-	197.604	-

Như trình bày tại thuyết minh số 27, Công ty có rủi ro tỷ giá phát sinh trong việc thanh toán lại các khoản tiền thuê nhận trước từ khách hàng thuê khu công nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Ảnh hưởng của khoản chênh lệch tỷ giá này đã được công ty đảm bảo bằng việc ký gửi ngoại tệ ngắn hạn tại ngân hàng.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng lâu năm.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.690.721.507	-	89.690.721.507
Phải thu khách hàng và phải thu khác	128.676.979.668	-	128.676.979.668
Tài sản tài chính khác	4.083.598.970	-	4.083.598.970
	222.451.300.145	-	222.451.300.145

31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	15.689.588.781	-	15.689.588.781
Chi phí phải trả	3.293.184.746	-	3.293.184.746
	18.982.773.527	-	18.982.773.527

Chênh lệch thanh khoản thuần	203.468.526.618		203.468.526.618
-------------------------------------	------------------------	--	------------------------

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.947.106.520	-	103.947.106.520
Phải thu khách hàng và phải thu khác	111.621.136.545	-	111.621.136.545
Tài sản tài chính khác	2.729.163.942	-	2.729.163.942
	218.297.407.007	-	218.297.407.007

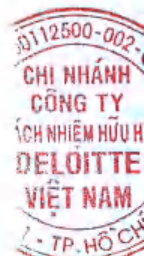
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	17.095.094.118	-	17.095.094.118
Chi phí phải trả	769.783.737	-	769.783.737
	17.864.877.855	-	17.864.877.855

Chênh lệch thanh khoản thuần	200.432.529.152	-	200.432.529.152
-------------------------------------	------------------------	----------	------------------------

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.480.725.000	2.156.996.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***27. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Ngày 16 tháng 6 năm 2009, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã gửi Thông báo số 205/TB-UBND tới Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bình Dương yêu cầu thu hồi giấy phép đầu tư của những công ty có hoạt động kinh doanh thuộc ngành công nghiệp gây ô nhiễm. Trong số các công ty đó, hiện có 5 Công ty đang có hợp đồng thuê đất với Công ty với số tiền thuê nhận trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 30.669.108.052 đồng (31/12/2011: 35.904.623.777 đồng gồm 6 (sáu) công ty). Từ năm 2009, Công ty không ghi nhận vào doanh thu tiền thuê đất của các công ty như đã đề cập ở trên với số tiền là 1.431.882.116 đồng. Trong trường hợp các công ty này bị thu hồi giấy phép đầu tư. Công ty sẽ phải thanh toán lại toàn bộ số tiền đã nhận được trước đây của các công ty thuê đất cùng với khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh tính theo tỷ giá của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 9.056.216.605 đồng (31/12/2011: 10.379.036.239 đồng)

Trong năm 2012, Công ty đã tiến hành hoàn trả số tiền nhận trước này cho một Công ty và chênh lệch tỷ giá hoái đoái phát sinh được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm với số tiền là 1.411.961.100 đồng.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

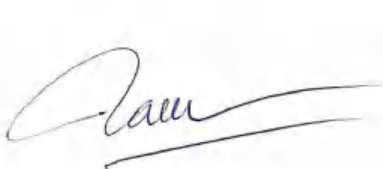
Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này. Các thay đổi cụ thể trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Số sau phân loại lại VND	Thay đổi thuần VND
Chi phí phải trả	316	9.269.783.737	769.783.737	(8.500.000.000)
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	6.626.066.375	-	(6.626.066.375)
Dự phòng phải trả dài hạn	338	-	15.126.066.375	15.126.066.375

29. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 23 tháng 3 năm 2013.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập



Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

www.deloitte.com/vn

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +848 3910 0751
Fax: +848 3910 0750